

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/DS-PT
Ngày: 10-7-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Ông Bùi Hữu Nhân
Các Thẩm phán:	Ông Nguyễn Hữu Mừng Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 82/2017/QĐ-PT ngày 07/6/2017; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 59/2017/QĐ-PT ngày 27/6/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị Thanh H, sinh năm: 1972; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị L, sinh năm: 1972; cư trú tại: Thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Đinh Thị Linh – Bị đơn;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 23/11/2016 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lương Thị Thanh H trình bày:

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho bà H số tiền 450.000.000 đồng nợ gốc, với các tình tiết cụ thể như sau:

Trước ngày 18/5/2016, bà H cho bà L vay nhiều lần tiền, ngày 18/5/2016 bà H và bà L thống nhất chốt nợ, với nội dung tính đến ngày 18/5/2016 bà L nợ bà H 500.000.000 đồng, giấy mượn tiền do bà L viết và ký nhận, bà H đòi nhiều lần nhưng bà L không trả. Tại buổi hòa giải ngày 22/02/2017 bà H đồng ý giảm cho bà L 50.000.000 đồng nợ gốc và không yêu cầu tiền lãi.

Bị đơn bà Đinh Thị L trình bày:

Bà L thống nhất với lời trình bày của bà H về việc vay tiền, chốt nợ, số tiền nợ gốc, chữ viết và chữ ký trong giấy mượn tiền, số tiền bà H đã giảm 50.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nợ gốc 450.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 22/02/2017, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, cụ thể như sau: Bà L có nghĩa vụ trả cho bà H 450.000.000 đồng nợ gốc.

Về án phí: Bà Đinh Thị L nhận chịu 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H nhận chịu 5.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 17/3/2017, bà L thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận hòa giải thành ngày 22/02/2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H yêu cầu bà L trả cho bà H 500.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 18/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (16/3/2017). Bà L chỉ đồng ý trả cho bà H 400.000.000 đồng nợ gốc, vì hoàn cảnh khó khăn nên không đồng ý trả lãi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H. Buộc bị đơn bà L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà H 497.500.000 đồng nợ gốc.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 17/3/2017, bị đơn bà L kháng cáo và không đồng ý đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Bà L yêu cầu Tòa án xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo, bà L chỉ đồng ý trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả hết số nợ 497.500.000 đồng. Về phía nguyên đơn bà H không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà L, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm, yêu cầu trả một lần hết số tiền 497.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án,

tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Nguyên đơn bà H cho rằng, bà có cho bà L vay nhiều lần tiền, đến ngày 18/5/2016 thì hai bên thực hiện việc chốt nợ, với số nợ là 500.000.000 đồng, bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà L không trả. Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho bà H số tiền vay 500.000.000 đồng và lãi suất 0,75%/tháng kể từ ngày 18/5/2016 đến ngày 16/3/2017, còn bị đơn bà L cũng thừa nhận lời trình bày của bà H nhưng chỉ đồng ý trả nợ gốc là 400.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi nên hai bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ “*tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị đơn bà L:

[2] Theo tài liệu có tiêu đề “Giấy mượn tiền” thể hiện ngày 18/5/2016 bà L có mượn của bà H số tiền 500.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, không thể hiện thời hạn vay, có chữ viết và chữ ký xác nhận của bà L và bà H (bút lục số 10), bà L thừa nhận giấy mượn tiền này là do bà L viết và ký nhận (bút lục số 43, 70);

[3] Bà H thừa nhận bà L đã trả cho bà H được 40.000.000 đồng tiền lãi (bút lục số 12, 71), bà H yêu cầu tính lãi từ ngày 18/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,75%/tháng. Như vậy, tiền lãi trong khoảng thời gian từ ngày 18/5/2016 đến ngày 16/3/2017 (ngày xét xử sơ thẩm) là 10 tháng với mức lãi suất là 0,75%/tháng. Số tiền lãi cụ thể được tính như sau: 500.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 10 tháng = 37.500.000 đồng. Bà H thừa nhận bà L đã trả được 40.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, tiền lãi bà L đã trả dư là 40.000.000 đồng – 37.500.000 đồng = 2.500.000 đồng. Số tiền lãi bà L trả dư cần được khấu trừ vào số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, số tiền nợ gốc bà L còn nợ bà H là 500.000.000 đồng – 2.500.000 đồng = 497.500.000 đồng.

[4] Theo đơn trình bày của bà L, thì bà L cho rằng bà H cho bà vay với lãi suất 60%/tháng là quá cao, đồng thời, bà đã trả cho bà H số tiền lãi lên đến cả tỷ đồng (bút lục số 57) nhưng bà L lại không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi đó, bà H lại không thừa nhận lời trình bày này của bà L nên không có căn cứ xem xét.

[5] Theo đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà L cho rằng bà đã trả cho bà H số tiền lãi là 846.000.000 đồng (bút lục số 79) nhưng cũng

không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà L đã trả cho bà H số tiền lãi 846.000.000 đồng, bà L cho rằng việc bà trả lãi cho bà H đều không lập giấy tờ gì, còn bà H thì lại không thừa nhận việc bà L đã trả số tiền lãi 846.000.000 đồng, mà chỉ thừa nhận bà L có trả số tiền lãi 40.000.000 đồng như phân tích nêu trên.

Với những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, về việc buộc bà L có nghĩa vụ trả cho bà H 497.500.000 đồng nợ gốc là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa: Nguyên đơn bà Lương Thị Thanh H; Bị đơn bà Đinh Thị L, cụ thể như sau:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Thanh H về việc kiện “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với bị đơn bà Đinh Thị L. Tuyên xử:

Buộc bị đơn bà Đinh Thị L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lương Thị Thanh H số tiền 497.500.000 đồng (bốn trăm chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nợ gốc.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, theo quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Đinh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn bà Lương Thị Thanh H, số tiền án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau: 20.000. 000 đồng + 4% của phần giá trị tài sản có tranh

chấp vượt quá 400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + 4% (497.500.000 đồng – 400.000.000 đồng) = 23.900.000 đồng. Do bị đơn bà L có hoàn cảnh khó khăn, có đơn xin miễn giảm án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị đơn bà L thuộc trường hợp được giảm $\frac{1}{2}$ số tiền án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bị đơn bà Đinh Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.950.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Lương Thị Thanh H số tiền tạm ứng án phí là 12.000.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006232 ngày 12/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Đinh Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bị đơn bà L đã nộp theo biên lai thu số 0006444 ngày 19/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Hữu Nhân